

Số: /KH-UBND

Gia Lai, ngày tháng 5 năm 2025

**KẾ HOẠCH**

**Triển khai Dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những  
vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” năm 2025**

Căn cứ Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) và miền núi giai đoạn: 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Hướng dẫn số 04/HD-ĐCT ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Đoàn Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về Hướng dẫn triển khai Dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” trong Chương trình mục tiêu quốc gia DTTS và miền núi giai đoạn I và Hướng dẫn số 24/HD-ĐCT ngày 06 tháng 11 năm 2023, Hướng dẫn số 30/HD-ĐCT ngày 23 tháng 9 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Hướng dẫn số 04/HD-ĐCT;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; Thông tư số 75/2024/TT-BTC ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023;

Căn cứ Kế hoạch số 674/KH-ĐCT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Đoàn Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về thực hiện Dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” năm 2025 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế, xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn I: 2021-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 2318/KH-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về triển khai Dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” giai đoạn I: 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Kế hoạch số 514/KH-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai Dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” (gọi tắt là Dự án 8) năm 2025 như sau:

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

- Định hướng nhiệm vụ, giải pháp cụ thể thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu cốt lõi của Dự án giai đoạn I vào năm 2025 và giải pháp duy trì hiệu quả các mô hình, hoạt động của Dự án tới địa phương và các ngành, đơn vị liên quan.

- Đẩy mạnh các hoạt động cao nhận thức, thay đổi nếp nghĩ, cách làm, hỗ trợ chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, bảo vệ, chăm sóc phụ nữ và trẻ em, góp phần thực hiện mục tiêu bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em vùng đồng bào DTTS và miền núi.

- Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Dự án giai đoạn 2021-2025 và đề xuất Dự án giai đoạn 2026 - 2030.

### **2. Yêu cầu**

- Bám sát nội dung, yêu cầu theo quy định của Chương trình và hướng dẫn thực hiện Dự án 8 của Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ (LHPN) Việt Nam, UBND tỉnh trong xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện Dự án và thực hiện giám sát, đánh giá Dự án.

- Tập trung thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu cốt lõi của Dự án theo phân bổ của UBND tỉnh trong giai đoạn 1. Triển khai Dự án phải đảm bảo hiệu quả hoạt động, đúng địa bàn, đúng đối tượng thụ hưởng và phù hợp với tình hình thực tế địa phương.

## **II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI DỰ ÁN 8 LŨY KẾ ĐẾN HẾT NĂM 2024**

- Đã thành lập và duy trì hoạt động 338/364 Tổ truyền thông cộng đồng, đạt tỷ lệ 93%.

- Có 02/20 tổ/nhóm sinh kế do phụ nữ làm chủ hoặc đồng làm chủ (bao gồm tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác, hợp tác xã) ứng dụng công nghệ 4.0 trong sản xuất và kết nối thị trường, đạt tỷ lệ 10%.

- Đã củng cố và nâng cao chất lượng 73/40 Địa chỉ tin cậy cộng đồng dựa trên mô hình hiện có hoặc thành lập mới, đạt tỷ lệ 182,5%.

- Khoảng 80% phụ nữ thuộc nhóm DTTS có tỷ lệ sinh con tại nhà cao đã được tuyên truyền, vận động, tư vấn kiến thức và tiếp cận dịch vụ sinh đẻ an toàn (chỉ tiêu này đang triển khai và chưa đánh giá kết quả).

- Đã thành lập và hỗ trợ nâng cao năng lực cho 61/73 Câu lạc bộ "Thủ lĩnh của sự thay đổi", đạt tỷ lệ 83,56%.

- Tổ chức 98/178 cuộc đối thoại chính sách cấp xã và cụm thôn/bản tại các địa bàn đặc biệt khó khăn, đạt tỷ lệ 55,06%.

- Đã tập huấn nâng cao năng lực phù hợp cho 196/200 cán bộ nữ DTTS cấp huyện và cấp xã (bao gồm cán bộ nữ trong quy hoạch vào vị trí lãnh đạo, cán bộ nữ mới bổ nhiệm, cán bộ nữ mới trúng cử lần đầu), đạt tỷ lệ 98%.

Tuy nhiên, vẫn còn 01/07 chỉ tiêu chưa đạt: chưa triển khai hỗ trợ tổ/nhóm

sinh kế do phụ nữ làm chủ hoặc đồng làm chủ ứng dụng công nghệ 4.0 trong sản xuất và kết nối thị trường.

Bên cạnh đó, có 01/07 chỉ tiêu chưa thể đánh giá kết quả: tuyên truyền, vận động phụ nữ DTTS có tỷ lệ sinh con tại nhà cao tiếp cận kiến thức và dịch vụ sinh đẻ an toàn, do chỉ tiêu này được đánh giá vào cuối kỳ.

### **III. MỘT SỐ CHỈ TIÊU DỰ ÁN CẦN ĐẠT ĐƯỢC NĂM 2025**

- Tiếp tục duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động đối với các mô hình hoạt động có hiệu trong giai đoạn I (2021–2025). Đối với những đơn vị chưa đạt chỉ tiêu tiếp tục hoàn thành trong năm 2025, cụ thể như sau:

- Thành lập và duy trì Tổ truyền thông cộng đồng: đã thành lập 29 tổ, còn 06 huyện chưa đạt chỉ tiêu.

- Hỗ trợ tổ/nhóm sinh kế, tổ hợp tác, hợp tác xã do phụ nữ làm chủ hoặc đồng làm chủ ứng dụng khoa học công nghệ: đã triển khai 14 mô hình, còn 11 huyện/thị xã chưa đạt chỉ tiêu.

- Củng cố, nâng cao chất lượng hoặc thành lập mới Địa chỉ tin cậy cộng đồng: thực hiện 02 địa chỉ, còn 01 huyện chưa đạt chỉ tiêu.

- Thành lập Câu lạc bộ “Thủ lĩnh của sự thay đổi”: thành lập 10 câu lạc bộ, còn 04 huyện chưa đạt chỉ tiêu.

- Tổ chức các cuộc đối thoại chính sách cấp xã và cụm thôn, bản: tổ chức được 67 cuộc, còn 11 huyện chưa đạt chỉ tiêu.

- Tập huấn, hướng dẫn giám sát, đánh giá về bình đẳng giới cho cán bộ cấp xã và thôn: tổ chức 07 cuộc, còn 05 huyện chưa đạt chỉ tiêu.

- Tập huấn nâng cao năng lực lồng ghép giới (Chương trình 2) cho cán bộ huyện, xã: tổ chức 12 cuộc, còn 09 huyện chưa đạt chỉ tiêu.

- Tập huấn nâng cao năng lực lồng ghép giới (Chương trình 3) cho cán bộ thôn/bản/buôn/ấp: tổ chức 10 cuộc, còn 05 huyện chưa đạt chỉ tiêu.

*(Danh sách các huyện, thị xã chưa đạt chỉ tiêu tại Phụ lục đính kèm)*

### **III. NỘI DUNG THỰC HIỆN**

**1. Nội dung 1: Tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em**

- Duy trì hiệu quả, bền vững mô hình Tổ truyền thông cộng đồng: Tập trung củng cố, nâng cao năng lực, cập nhật thông tin cho Ban điều hành và thành viên; tổ chức thường xuyên các hoạt động phù hợp với thực tế địa phương; biên soạn, dịch tài liệu tuyên truyền sang tiếng dân tộc trên cơ sở tài liệu Trung ương ban hành; thực hiện giám sát, hỗ trợ kỹ thuật và tháo gỡ khó khăn, đặc biệt tại các địa phương có chỉ tiêu cao hoặc là xã điểm do Trung ương triển khai.

- Đẩy mạnh hoạt động truyền thông: Tăng cường truyền thông tại các cấp, đặc biệt trên nền tảng số và phương tiện thông tin đại chúng; thực hiện truyền

thông trực tiếp tại cộng đồng bằng tiếng phổ thông và tiếng dân tộc qua các hình thức phù hợp như truyền thông lưu động, hội thi, liên hoan, giao lưu. Nội dung tập trung chia sẻ, vận động về kết quả Dự án 8, bất bình đẳng giới, tảo hôn, hôn nhân cận huyết, sinh con tại nhà, bạo lực gia đình... Khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất tài liệu và truyền thông số hóa.

- Tại các địa bàn triển khai chính sách hỗ trợ phụ nữ DTTS sinh đẻ an toàn và chăm sóc sức khỏe trẻ em: Đảm bảo đạt chỉ tiêu 80% phụ nữ thuộc nhóm dân tộc có tỷ lệ sinh con tại nhà cao được tuyên truyền, tư vấn và tiếp cận dịch vụ sinh đẻ an toàn; đẩy nhanh chi trả hỗ trợ từ 04 gói chính sách theo hướng dẫn Trung ương Hội LHPN Việt Nam (HD số 04/HD-ĐCT ngày 28/7/2022 và số 30/HD-ĐCT ngày 23/9/2024); giám sát, phát hiện vướng mắc để đề xuất chính sách giai đoạn 2026–2030; phối hợp ngành Y tế tổ chức chiến dịch truyền thông.

## **2. Nội dung 2: Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em**

- Hoàn thành chỉ tiêu hỗ trợ mô hình tổ nhóm sinh kế do phụ nữ làm chủ/đồng làm chủ ứng dụng khoa học công nghệ (KHCN):

Rà soát, phân loại, lựa chọn nội dung hỗ trợ phù hợp từ 6 nội dung ứng dụng KHCN như xây dựng thương hiệu, tiêu chuẩn, truy xuất nguồn gốc, thương mại điện tử, logistics, thanh toán điện tử... theo hướng dẫn của Trung ương.

Khai thác nguồn lực từ các chương trình/đề án khác để thành lập mới mô hình sinh kế; lồng ghép từ nguồn Dự án 8 để hỗ trợ KHCN.

Đa dạng hình thức truyền thông về tác động KHCN, chia sẻ mô hình, gương điển hình, kinh nghiệm.

Sơ kết, đánh giá kết quả, đề xuất phương án triển khai giai đoạn II.

- Duy trì và nâng cao chất lượng mô hình “Địa chỉ tin cậy”:

Nâng cao năng lực cho cán bộ, chi/tổ Hội về nhận diện và hỗ trợ nạn nhân bạo lực, đặc biệt bạo lực tinh thần, tình dục, kinh tế.

Tuyên truyền phòng ngừa bạo lực gia đình qua các hình thức phù hợp như phiên tòa giả định, giao lưu, cuộc thi, diễn đàn... kết hợp ứng dụng công nghệ và số hóa tài liệu.

Kịp thời phát hiện, hỗ trợ phụ nữ, trẻ em bị bạo lực; phối hợp liên ngành cung cấp dịch vụ xã hội, hỗ trợ sinh kế.

Tham gia giám sát, phản biện xã hội, đề xuất chính sách, kiểm tra định kỳ hoạt động “Địa chỉ tin cậy”, sơ kết, khen thưởng kịp thời.

Chủ động xây dựng kế hoạch, đề xuất kinh phí từ các chương trình, đề án (theo khoản 3 Điều 37 Thông tư 55/2023/TT-BTC).

- Thí điểm mô hình hỗ trợ sinh kế cho nạn nhân mua bán người:

Nội dung hỗ trợ gồm học nghề, tư vấn việc làm, hỗ trợ vay vốn, kỹ năng quản lý.

Thực hiện theo tài liệu hướng dẫn của TW Hội LHPN Việt Nam.

Huy động nguồn lực xã hội hóa đảm bảo mô hình bền vững, hiệu quả.

### **3. Nội dung 3: Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế xã hội của cộng đồng; giám sát và phản biện; hỗ trợ phụ nữ tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị**

- Hoàn thành chỉ tiêu tổ chức đối thoại chính sách cấp xã/cụm thôn bản:

Tuyên truyền chủ trương, chính sách pháp luật, đặc biệt về thực hành dân chủ ở cơ sở.

Tổ chức diễn đàn đề phụ nữ góp ý văn kiện Đại hội Đảng, tham gia ứng cử HĐND các cấp; đối thoại về chính sách, pháp luật liên quan đến phụ nữ.

Nâng cao năng lực cho cán bộ Hội, phát huy vai trò cầu nối giữa phụ nữ với Đảng, chính quyền.

- Xây dựng mô hình hỗ trợ phụ nữ thực hành dân chủ ở cơ sở, đảm bảo sự tham gia thực chất.

- Duy trì, nâng cao chất lượng hoạt động câu lạc bộ (CLB) “Thủ lĩnh của sự thay đổi”:

Củng cố năng lực dẫn trình viên, ban chủ nhiệm; tổ chức thi, liên hoan giữa các CLB.

Phát hành tài liệu sinh hoạt phù hợp đặc thù địa phương (áp phích, video, tranh ảnh...).

Phối hợp ngành Giáo dục, Đoàn thanh niên triển khai CLB tại trường học, cộng đồng.

Đẩy mạnh truyền thông nhân dịp Tháng hành động vì trẻ em (tháng 6), ngày Quốc tế trẻ em gái (11/10).

- Giám sát, đánh giá việc triển khai Dự án 8 và thực hiện bình đẳng giới:

Tổ chức tập huấn theo tài liệu hướng dẫn của Trung ương.

Theo dõi, giám sát và báo cáo theo Thông tư 01/2022/TT-UBDT ngày 26/5/2022.

Tổ chức kiểm tra, hỗ trợ kỹ thuật; phối hợp các cấp đánh giá cuối kỳ Dự án giai đoạn I.

- Tiếp tục bồi dưỡng, nâng cao năng lực cán bộ nữ DTTS tham gia lãnh đạo:

Tập huấn kỹ năng ứng cử, vận động, lồng ghép giới, chuyển đổi số.

Tổ chức hội thảo, tọa đàm, phát hiện nguồn cán bộ nữ tiềm năng, xây dựng tài liệu bồi dưỡng và phổ biến bài giảng điện tử.

### **4. Nội dung 4: Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng bản và người có uy tín trong cộng đồng**

- Hoàn thành chỉ tiêu tập huấn nâng cao năng lực lồng ghép giới cho cán bộ

cấp huyện, xã, trưởng thôn/bản, chức sắc tôn giáo, người uy tín.

- Tiếp tục tổ chức tập huấn bổ sung (nếu cần), chú trọng các địa bàn có thay đổi địa giới hành chính, sắp xếp bộ máy.

- Đánh giá kết quả phát triển năng lực làm cơ sở điều chỉnh nội dung, phương pháp triển khai giai đoạn tiếp theo phù hợp với thực tiễn.

#### **IV. KINH PHÍ**

Kinh phí thực hiện từ nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế, xã hội vùng DTTS và miền núi phân bổ năm 2025.

#### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh:**

- Chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện các hoạt động Dự án 8 năm 2025 đảm bảo chỉ tiêu, tiến độ, hiệu quả.

- Kiểm tra, giám sát và đôn đốc tiến độ triển khai thực hiện Dự án 8; tổ chức đánh giá, tổng kết triển khai thực hiện Dự án giai đoạn I và đề xuất nội dung, giải pháp của Dự án giai đoạn tiếp theo.

- Phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đơn vị, tổ chức có chuyên môn hỗ trợ kỹ thuật tháo gỡ vướng mắc cho các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện Dự án.

- Chỉ đạo Hội LHPN các cấp chủ động tham mưu cho tổ chức đánh giá, tổng kết triển khai thực hiện Dự án giai đoạn I và đề xuất nội dung, giải pháp của Dự án giai đoạn tiếp theo (tổng kết bằng văn bản).

- Tổng hợp báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện Dự án 8 trên địa bàn tỉnh và các báo cáo chuyên đề, đột xuất gửi Trung ương Hội LHPN Việt Nam, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

##### **2. Các sở, ban, ngành tỉnh:**

- Chủ động lồng ghép giới trong xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện các dự án, tiểu dự án do ngành chủ trì và thực hiện giám sát, đánh giá thực hiện bình đẳng giới trong dự án, tiểu dự án của ngành chủ trì.

- Phối hợp với Hội LHPN tỉnh thực hiện một số nội dung hoạt động thực hiện Dự án 8 liên quan đến chức năng nhiệm vụ của sở, ban, ngành (*theo Kế hoạch số 2318/KH-UBND, ngày 11/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh*)

##### **3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã:**

- Chỉ đạo triển khai thực hiện Dự án: chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành phối hợp chặt chẽ với Hội LHPN cùng cấp trong xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện Dự án 8 năm 2025; chỉ đạo tổ chức đánh giá, tổng kết thực hiện Dự án 8 giai đoạn I và đề xuất nội dung, giải pháp phù hợp cho giai đoạn II; lồng ghép nội dung bình đẳng giới vào các dự án thành phần của Chương trình và các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đồng thời, quan tâm chỉ đạo, hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai tại cơ sở.

- Thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu giai đoạn I theo phân bổ của tỉnh:

+ Các địa phương chưa hoàn thành chỉ tiêu cần rà soát, đánh giá tình hình thực hiện, tập trung huy động nguồn lực triển khai đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu của Dự án; đồng thời tiếp tục duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng các mô hình đã được thành lập;

+ Các địa phương đã hoàn thành chỉ tiêu tiếp tục duy trì hoạt động, nâng cao chất lượng và đảm bảo tính bền vững của các mô hình hiện có. Tùy theo điều kiện thực tế, địa phương chủ động quyết định việc mở rộng mô hình tại các địa bàn khác thuộc phạm vi Dự án 8, đảm bảo đúng đối tượng, đúng địa bàn và không làm phát sinh kinh phí từ ngân sách Trung ương phân bổ cho Dự án 8 giai đoạn I.

- Tăng cường công tác theo dõi, tổng hợp, báo cáo: Thực hiện nghiêm túc công tác tổng hợp, theo dõi, báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện Dự án 8 theo định kỳ và đột xuất. Tổ chức sơ kết việc thực hiện Dự án 8 giai đoạn I và triển khai các nội dung bình đẳng giới trong Chương trình; báo cáo kết quả về Hội LHPN tỉnh đúng thời hạn, đầy đủ nội dung theo quy định.

Các đơn vị được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ tại Kế hoạch này chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về nội dung và kết quả thực hiện Dự án; đảm bảo thực hiện công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng chính sách, tiết kiệm, hiệu quả, tuyệt đối tránh lãng phí nguồn vốn.

Đối với các nhiệm vụ giao Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã sau khi thực hiện Kết luận số 127-KL/TW ngày 27/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị sẽ được chuyển giao nhiệm vụ về Ủy ban nhân dân cấp xã, phường theo đúng quy định.

Trên đây là Kế hoạch triển khai Dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” năm 2025. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh, đề xuất về Hội LHPN tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

**Nơi nhận:**

- Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (để b/c);
- Ban Dân tộc Tôn giáo (Hội LHPN Việt Nam);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Hội LHPN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã;
- Hội LHPN các huyện, thị xã;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, KGVX.h

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Thanh Lịch**

**UBND TỈNH GIA LAI**  
**Phụ lục: DANH SÁCH CÁC HUYỆN, THỊ XÃ CHƯA ĐẠT CHỈ TIÊU**  
**Dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề**  
**cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” giai đoạn I năm 2021 - 2025**  
*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2025*  
*của UBND tỉnh Gia Lai)*

| TT | Nội dung                                                                                                      | Chỉ tiêu kế hoạch<br>GD 2021- 2025 |         | KẾT QUẢ THỰC<br>HIỆN (Tính đến<br>tháng 02/2025) |                                                               | Chỉ tiêu<br>từng huyện<br>cần đạt<br>trong năm<br>2025<br>(theo kế<br>hoạch<br>GD 2021-<br>2025) | Chỉ tiêu đề xuất<br>UBND tỉnh giao<br>thực hiện trong<br>năm 2025 theo ý<br>kiến đề nghị của<br>UBND các<br>huyện |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                                                               | Số<br>lượng                        | ĐVT     | Kết quả<br>đạt<br>được                           | Tỷ lệ đạt<br>so với<br>chỉ tiêu<br>GD<br>2021-<br>2025<br>(%) |                                                                                                  |                                                                                                                   |
| I  | Thành lập và duy trì Tổ truyền thông cộng đồng                                                                |                                    |         |                                                  |                                                               |                                                                                                  |                                                                                                                   |
| 1  | Chư Puh                                                                                                       | 15                                 | Tổ      | 13                                               | 92.85                                                         | 2                                                                                                | 1                                                                                                                 |
| 2  | Mang Yang                                                                                                     | 33                                 | Tổ      | 31                                               | 93.9                                                          | 2                                                                                                | 2                                                                                                                 |
| 3  | Đức Cơ                                                                                                        | 28                                 | Tổ      | 19                                               | 67.9                                                          | 9                                                                                                | 9                                                                                                                 |
| 4  | Đak Pơ                                                                                                        | 15                                 | Tổ      | 14                                               | 93.3                                                          | 1                                                                                                | 1                                                                                                                 |
| 5  | Kbang                                                                                                         | 30                                 | Tổ      | 25                                               | 83.3                                                          | 5                                                                                                | 5                                                                                                                 |
| 6  | Chư Prông                                                                                                     | 38                                 | Tổ      | 27                                               | 71.1                                                          | 11                                                                                               | 11                                                                                                                |
| II | Hỗ trợ tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác, Hợp tác xã do Phụ nữ làm chủ/tham gia quản lý ứng dụng khoa học công nghệ |                                    |         |                                                  |                                                               |                                                                                                  |                                                                                                                   |
| 1  | Chư Sê                                                                                                        | 1                                  | Mô hình | 0                                                | 0.0                                                           | 1                                                                                                | 0                                                                                                                 |
| 2  | Đak Đoa                                                                                                       | 1                                  | Mô hình | 0                                                | 0.0                                                           | 1                                                                                                | 1                                                                                                                 |
| 3  | Chư Păh                                                                                                       | 2                                  | Mô hình | 0                                                | 0.0                                                           | 2                                                                                                | 0                                                                                                                 |
| 4  | Mang Yang                                                                                                     | 2                                  | Mô hình | 1                                                | 50.0                                                          | 1                                                                                                | 1                                                                                                                 |
| 5  | Đức Cơ                                                                                                        | 1                                  | Mô hình | 0                                                | 0.0                                                           | 1                                                                                                | 0                                                                                                                 |
| 6  | Phú Thiện                                                                                                     | 1                                  | Mô hình | 0                                                | 0.0                                                           | 1                                                                                                | 1                                                                                                                 |
| 7  | Krông Pa                                                                                                      | 2                                  | Mô hình | 0                                                | 0.0                                                           | 2                                                                                                | 2                                                                                                                 |
| 8  | Ia Pa                                                                                                         | 1                                  | Mô hình | 0                                                | 0.0                                                           | 1                                                                                                | 1                                                                                                                 |
| 9  | Đak Pơ                                                                                                        | 1                                  | Mô hình | 0                                                | 0.0                                                           | 1                                                                                                | 1                                                                                                                 |
| 10 | Kông Chro                                                                                                     | 2                                  | Mô hình | 0                                                | 0.0                                                           | 2                                                                                                | 2                                                                                                                 |
| 11 | An Khê                                                                                                        | 1                                  | Mô hình | 0                                                | 0.0                                                           | 1                                                                                                | 1                                                                                                                 |
| 12 | Kbang                                                                                                         | 1                                  | Mô hình | 0                                                | 0.0                                                           | 1                                                                                                | 1                                                                                                                 |
| 13 | Chư Prông                                                                                                     | 2                                  | Mô hình | 0                                                | 0.0                                                           | 2                                                                                                | 2                                                                                                                 |

|            |                                                                                    |    |         |    |      |    |    |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------|----|---------|----|------|----|----|
| 14         | Ia Grai                                                                            | 1  | Mô hình | 0  | 0.0  | 1  | 1  |
| <b>III</b> | <b>Củng cố, nâng chất lượng/hoặc thành lập mới Địa chỉ tin cậy</b>                 |    |         |    |      |    |    |
| 1          | Kông Chro                                                                          | 8  | ĐCTC    | 6  | 75.0 | 2  |    |
| <b>IV</b>  | <b>Thành lập Câu lạc bộ “Thủ lĩnh của sự thay đổi”</b>                             |    |         |    |      |    |    |
| 1          | Mang Yang                                                                          | 7  | CLB     | 5  | 71.4 | 2  | 2  |
| 2          | Đức Cơ                                                                             | 5  | CLB     | 3  | 60.0 | 2  | 2  |
| 3          | Krông Pa                                                                           | 8  | CLB     | 4  | 50.0 | 4  | 4  |
| 4          | Kbang                                                                              | 4  | CLB     | 2  | 50.0 | 2  | 2  |
| <b>V</b>   | <b>Tập huấn hướng dẫn giám sát, đánh giá về bình đẳng giới cho cán bộ xã, thôn</b> |    |         |    |      |    |    |
| 1          | Đak Đoa                                                                            | 2  | Cuộc    | 0  | 0.0  | 2  | 2  |
| 2          | Mang Yang                                                                          | 2  | Cuộc    | 1  | 50.0 | 1  | 1  |
| 3          | Krông Pa                                                                           | 3  | Cuộc    | 1  | 33.3 | 2  | 2  |
| 4          | Kông Chro                                                                          | 3  | Cuộc    | 2  | 66.7 | 1  | 1  |
| 5          | Chư Prông                                                                          | 2  | Cuộc    | 1  | 50.0 | 1  | 1  |
| <b>VI</b>  | <b>Tổ chức các cuộc đối thoại chính sách cấp xã và cụm thôn bản</b>                |    |         |    |      |    |    |
| 1          | Đak Đoa                                                                            | 13 | Cuộc    | 6  | 46.2 | 7  | 7  |
| 2          | Chư Păh                                                                            | 15 | Cuộc    | 11 | 73.3 | 4  | 4  |
| 3          | Mang Yang                                                                          | 18 | Cuộc    | 8  | 44.4 | 10 | 10 |
| 4          | Đức Cơ                                                                             | 13 | Cuộc    | 6  | 46.2 | 7  | 7  |
| 5          | Phú Thiện                                                                          | 9  | Cuộc    | 6  | 66.7 | 3  | 3  |
| 6          | Ia Pa                                                                              | 13 | Cuộc    | 12 | 92.3 | 1  | 1  |
| 7          | Đak Pơ                                                                             | 7  | Cuộc    | 5  | 71.4 | 2  | 2  |
| 8          | Kông Chro                                                                          | 24 | Cuộc    | 9  | 37.5 | 15 | 15 |
| 9          | Kbang                                                                              | 15 | Cuộc    | 8  | 53.3 | 7  | 7  |
| 10         | Chư Prông                                                                          | 19 | Cuộc    | 9  | 47.4 | 10 | 10 |
| 11         | Ia Grai                                                                            | 3  | Cuộc    | 2  | 66.7 | 1  | 1  |
| <b>VII</b> | <b>Tập huấn nâng cao năng lực lồng ghép giới (chương trình 2) cho CB huyện, xã</b> |    |         |    |      |    |    |
| 1          | Chư Păh                                                                            | 2  | Cuộc    | 0  | 0.0  | 2  | 2  |
| 2          | Mang Yang                                                                          | 2  | Cuộc    | 0  | 0.0  | 2  | 2  |
| 3          | Đức Cơ                                                                             | 1  | Cuộc    | 0  | 0.0  | 1  | 1  |
| 4          | Phú Thiện                                                                          | 1  | Cuộc    | 0  | 0.0  | 1  | 1  |
| 5          | Krông Pa                                                                           | 2  | Cuộc    | 1  | 50.0 | 1  | 1  |
| 6          | Ia Pa                                                                              | 1  | Cuộc    | 0  | 0.0  | 1  | 1  |

|             |                                                                                               |   |      |          |      |          |          |
|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---|------|----------|------|----------|----------|
| 7           | Kông Chro                                                                                     | 2 | Cuộc | <b>0</b> | 0.0  | <b>2</b> | <b>2</b> |
| 8           | An Khê                                                                                        | 1 | Cuộc | <b>0</b> | 0.0  | <b>1</b> | <b>1</b> |
| 9           | Kbang                                                                                         | 1 | Cuộc | <b>0</b> | 0.0  | <b>1</b> | <b>1</b> |
| <b>VIII</b> | <b>Tập huấn nâng cao năng lực lồng ghép giới (Chương trình 3) cho cán bộ thôn/bản/buôn/ấp</b> |   |      |          |      |          |          |
| 1           | Đak Đoa                                                                                       | 4 | Cuộc | <b>3</b> | 75.0 | <b>1</b> | <b>1</b> |
| 2           | Mang Yang                                                                                     | 4 | Cuộc | <b>3</b> | 75.0 | <b>1</b> | <b>1</b> |
| 3           | Đức Cơ                                                                                        | 4 | Cuộc | <b>1</b> | 25.0 | <b>3</b> | <b>3</b> |
| 4           | Krông Pa                                                                                      | 8 | Cuộc | <b>6</b> | 75.0 | <b>2</b> | <b>2</b> |
| 5           | Chư Prông                                                                                     | 8 | Cuộc | <b>5</b> | 62.5 | <b>3</b> | <b>3</b> |



